TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 02/2022/HS-ST
Ngày : 17-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Minh Tấn

2/ Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Diễm Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Tý - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại Tỉnh Tiền Giang

Nơi cư trú: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ và bà Bà Q; có vợ tên A và 02 người con: con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: không; tiền án: ngày 03/9/2019 bị Tòa án nhân dân huyện H, Tỉnh Đồng Tháp xử phạt P 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. I, sinh năm 1982 tại Long An

Nơi cư trú: ấp 6, xã T, huyện O, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông U (đã chết) và bà R (đã chết); có vợ tên S và 02 người con: con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/8/2021, Công an huyện T, Tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm

hành chính số 001599/QĐ-XPHC đối với I với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc"; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 đến ngày 13 tháng 7 năm 2021 được thay đổi biện pháp bảo lĩnh cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại*:

1. Ông T1, sinh năm: 1983 (có mặt)

2. Bà H2, sinh năm: 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp C1, xã A1, huyện B1, tỉnh Long An

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đ, sinh năm: 1952 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tỉnh Tiền Giang

2. Ngân hàng V (V1)

Địa chỉ: số 266 - 268 S, phường Y, quận A1, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Ông D1, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp G1, xã I1, huyện T, tỉnh Long An

2. Ông K1, sinh năm: 1970 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp L1, xã M1, huyện T, tỉnh Long An

3. Ông N1, sinh năm: 1967 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp O1, xã P1, huyện T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2020, P quen biết anh T1 và thường xuyên làm môi giới thu mua lúa nếp của nông dân cho T1 để hưởng tiền công 50.000 đồng/01 tấn lúa. Đến khoảng tháng 4/2020, P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của T1 bằng thủ đoạn lừa dối làm hợp đồng thu mua lúa nếp của nông dân để T1 giao tiền cho P đặt cọc và chiếm đoạt số tiền này. Từ ngày 23/4/2020 đến ngày 07/7/2020, P đã chiếm đoạt tài sản của T1 03 lần với tổng số tiền 141.000.000 đồng. Cụ thể, như sau:

- Lần thứ nhất: khoảng 08 giờ ngày 21/4/2020, P sử dụng mẫu hợp đồng bao tiêu lúa nếp có sẵn, tự ghi thông tin người bán "Họ và tên: Q1, sinh năm 1971, CMND số 304167279, cấp ngày 10/01/2016, nơi cấp Đồng Tháp, địa chỉ ấp 3, xã U1, huyện T, Tỉnh Đồng Tháp", P tự ký tên, ghi tên "Q1" tại mục đại diện bên B trong hợp đồng. Sau đó, P sử dụng điện thoại di động (ĐTDĐ) hiệu Nokia 105 màu đen, gắn sim số 0917.177.039 gọi cho T1 nói là đã mua được lúa nếp. P yêu cầu T1 đưa cho P 45.000.000 đồng để đặt cọc tiền lúa, T1 đồng ý và hẹn đến ngày 23/4/2020 sẽ đưa tiền cho P. Khoảng 15 giờ ngày 23/4/2020, T1 cùng vợ là chị H2

đến gặp P tại đoạn đường thuộc ấp 5, xã R1, huyện S1, tỉnh Long An giao cho P số tiền 45.000.000 đồng. P đưa cho T1, H2 giữ 01 bản hợp đồng bao tiêu lúa nếp do P tự lập trước đó. P sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ hai: khoảng 07 giờ ngày 26/4/2020, P sử dụng ĐTDĐ hiệu Nokia 105 màu đen, gắn sim số 0917.177.039 gọi vào ĐTDĐ hiệu Nokia 105 màu đen, gắn sim số 0982.304.074 của I nhờ I giả làm chủ ruộng lúa nếp với diện tích 130 công (130.000 m^2) để gặp T1 thỏa thuận hợp đồng bao tiêu lúa nếp, nhận tiền đặt cọc từ T1, sau đó đưa lại số tiền này cho P, sau khi xong việc P sẽ xóa nợ (cho) số tiền I còn đang nợ P, I đồng ý. P kêu I đến quán cà phê không bảng hiệu trên đoạn đường Tỉnh lộ 837 thuộc xã I1, huyện T, tỉnh Long An để gặp P. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, I đến gặp P. Tại đây P dặn I khi gặp T1 thì I sẽ nói với T1 tên I, địa chỉ thường trú tại ấp V1, xã S1, huyện T, Tỉnh Đồng Tháp là chủ ruộng lúa nếp, I đã thỏa thuận bán lúa nếp cho P, P đã đưa trước cho I 10.000.000 đồng tiền đặt cọc. I đồng ý cùng tham gia thực hiện.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, I gặp và thỏa thuận hợp đồng bán lúa nếp cho T1, H2 với diện tích 130 công theo nội dung đã thống nhất với P trước đó. Sau khi thỏa thuận xong, I ở tại quán cà phê, P điều khiển xe gắn máy biển số 63AN-059.07 dẫn T1, H2 đến tại khu vực ấp A2, xã I1, huyện T, tỉnh Long An chỉ vào thửa đất ruộng đang trồng lúa của ông D1, ngụ ấp G1, xã I1, huyện T, tỉnh Long An nói với T1 là ruộng của I. Sau khi xem ruộng xong P, T1, H2 quay về quán cà phê gặp I lập hợp đồng bao tiêu lúa nếp. I đọc họ tên, địa chỉ theo nội dung đã thống nhất trước đó với P, H2 viết vào hợp đồng, sau đó T1 ký tên, ghi họ tên tại mục "Bên mua", I ký tên, ghi họ tên tại mục "Bên bán", P ký tên, ghi họ tên tại mục "Người làm chứng" trong hợp đồng bao tiêu nếp non ngày 26/4/2020. Sau khi lập hợp đồng xong, T1 đưa cho I số tiền đặt cọc là 55.000.000 và đưa cho P 10.000.000 đồng đã đặt cọc cho I trước đó. P, I điều khiển xe mô tô chạy đến đoạn cách quán cà phê khoảng 200 mét thì dừng lại, I đưa lại cho P tất cả số tiền 55.000.000 đồng nhận của T1. P sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ ba: khoảng đầu tháng 7/2020, P đến gặp anh K1 hỏi mua lúa nếp tươi của anh B2 tại thửa đất thuộc ấp L1, xã M1, huyện T, tỉnh Long An với diện tích 130 công, anh B2 đồng ý bán lúa nếp cho P. Đến ngày hôm sau P dẫn người thu mua lúa tên N1, ngụ ấp O1, xã P1, huyện T, tỉnh Long An đến lập hợp đồng mua bán và đặt tiền cọc cho anh B2, hẹn ngày thu hoạch thì C2 sẽ đến thu mua lúa nếp. Ngày 06/7/2020, P sử dụng ĐTDĐ hiệu Nokia 105 màu đen, gắn sim số 0917.177.039 gọi cho T1 nói là đã hợp đồng bao tiêu lúa nếp của B2 với diện tích 155 công, kêu T1 đưa tiền cho P để P đặt cọc cho B2. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T1, H2 đến gặp P tại khu vực đường Tỉnh 819 thuộc D2, xã M1, huyện T, tỉnh Long An, P điều khiển xe gắn máy biển số 63AN-059.07 dẫn T1, H2 đến tại thửa ruộng của B2 đã hợp đồng bán lúa nếp cho C2 trước đó, P nói với T1 là P đã đặt cọc cho B2 số tiền 31.000.000 đồng. T1 và P đi đến khu vực phía trước cửa hành kinh doanh xăng dầu H2, T1 đưa cho P trước 16.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng T1 sẽ chuyển vào tài khoản của P. Ngày 07/7/2020, H2 chuyển vào tài khoản của P mở tại Ngân hàng V (V2) - Phòng giao dịch I2 số tiền 15.000.000 đồng. P sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận giám định số 611/2021/KLGĐ ngày 07/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận:

1. Chữ ký và chữ viết "P" bằng bút bic màu xanh, ở mục "Người làm chứng" trên tờ "Hợp đồng bao tiêu nếp non" (đóng dấu TLCGĐ, ký hiệu A) với chữ viết bắt đầu "P…" và kết thúc "… P" bằng bút bic màu xanh và chữ ký mang tên "P" bằng bút bic màu xanh ở mục "Người khai" trên 02 tờ "Bản tự khai" (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1 và M3) là do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ viết "I" (chữ ký) và "Nguyễn Văn I" bằng bút bic màu xanh, ở mục "Bên A (Bên bán)" trên tờ "Hợp đồng bao tiêu nếp non" (đóng dấu TLCGĐ, ký hiệu A) với: Chữ viết bắt đầu "I …" và kết thúc "… I" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "I" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Người khai", trên tờ "Bản tự khai" (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M2); 04 chữ viết "I" (chữ ký) và "Nguyễn Văn I" bằng bút bic màu xanh ở dưới mục "Kết quả làm việc", chữ viết "I" (chữ ký) và "I" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bị can" trên tờ "Biên bản làm việc" (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M4) là do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSTT ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố các bị cáo: P và I về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo P và bị cáo I khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không khiếu nại gì đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Các bị hại tại phiên tòa thừa nhận nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát là đúng số tiền bị chiếm đoạt và đúng diễn biến sự việc xảy ra.

Ông Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, không yêu cầu gì về chiếc xe mô tô đã cho bị cáo P mượn sử dụng.

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Về hình phạt chính:

- Đối với bị cáo P: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P từ 03 năm đến 04 năm tù.

Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt đối với bị cáo P, buộc bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án theo quy định.

- Đối với bị cáo I: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo I từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy 02 bị cáo phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không xem xét hình phạt bổ sung đối với 02 bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, số emei 1: 353117112618280, số emei 2: 353117117618285, bên trong gắn thẻ sim số 0917.177.039; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, số emei 1: 350664634120884, số emei 2: 350664636120882, bên trong gắn thẻ sim số 0982.304.074.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ thanh toán và rút tiền mặt trên toàn cầu của ngân hàng Sacombank số 5174160000134636 có in chữ "LE HOAI P", số tài khoản 070054266659, 01 sim số thuê bao 0973.257.644.

- Số tài khoản 070054266659 chủ tài khoản P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị Ngân hàng V đóng vĩnh viễn số tài khoản trên sau khi Ngân hàng đã trừ hết số tiền 52.516 đồng mà chủ tài khoản P còn nợ phí dịch vụ của Ngân hàng.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo P hoàn trả cho T1, H2 số tiền đã chiếm đoạt là 111.000.000 đồng.

Các bị cáo thống nhất luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận gì.

Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo I và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo I mức án thấp nhất là 06 tháng tù theo mức hình phạt khởi điểm đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Còn đối với bị cáo P, người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử mức hình phạt tù nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo P.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo P và bị cáo I xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù

hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước tòa, thể hiện:

Khoảng tháng 4/2020, P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của T1, H2 bằng thủ đoạn gian dối lập hợp đồng thu mua lúa nếp của nông dân để T1, H2 giao tiền cho P đặt cọc mua lúa nếp và chiếm đoạt số tiền này. Từ ngày 23/4/2020 đến ngày 07/7/2020, P đã chiếm đoạt tài sản của T1, H2 03 lần với tổng số tiền 141.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: khoảng 15 giờ ngày 23/4/2020, tại đoạn đường thuộc ấp 5, xã R1, huyện S1, tỉnh Long An, P chiếm đoạt tài sản của T1, H2 45.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: khoảng 07 giờ ngày 26/4/2020, P rủ rê I giả làm chủ ruộng lúa nếp để gặp T1, H2 thỏa thuận lập hợp đồng bán lúa nếp và nhận tiền cọc để đưa lại số tiền nhận cọc cho P. I đồng ý cùng thực hiện. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, tại quán cà phê của K2t huộc ấp G1, xã I1, huyện T, tỉnh Long An, P và I chiếm đoạt tài sản của T1, H2 65.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, I đã giao hết cho P.

- Lần thứ ba: khoảng 10 giờ ngay 06/7/2020, tại khu vực phía trước Cửa hàng xăng dầu H3 thuộc D2, xã M1, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, P chiếm đoạt tiền của T1, H2 16.000.000 đồng. Đến ngày 07/7/2020, P tiếp tục chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng do H2 chuyển vào tài khoản của P.

Tất cả số tiền chiếm đoạt của T1 và H2, P sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tổng số tiền bị cáo P chiếm đoạt của bị hại là 141.000.00 đồng, trong đó có lần bị cáo P rủ rê bị cáo I cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại vào ngày 26/4/2020 để chiếm đoạt số tiền 65.000.000 đồng, nên trong lần thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo P và bị cáo I thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Lợi dụng vào sự cả tin, mất cảnh giác của người bị hại, các bị cáo đã thực hiện hành vi, thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Trong vụ án có 02 bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả của từng bị cáo gây ra.

[3.1] Đối với bị cáo P: bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có hành vi gian dối thông qua việc môi giới thu mua lúa nếp làm cho T1 và H2 tin tưởng giao tiền đặt cọc, từ đó P chiếm đoạt tiền để tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại 03 lần

với tổng số tiền chiếm đoạt là 141.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo P đã rủ rê, lôi kéo bị cáo I cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại vào ngày 26/4/2020 để chiếm đoạt số tiền 65.000.000 đồng của bị hại.

Bị cáo P là người có nhân thân xấu. Vào ngày 03/9/2019, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện H, Tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đang trong thời gian chấp hành án treo thì lại tiếp tục phạm tội mới, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại 03 lần nên còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 02 con nhỏ; bị cáo có cậu ruột tên N3 là liệt sĩ; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết được xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HSST ngày 03/9/2019 và quyết định số 01/2019/QĐ-SCBSBA ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Tỉnh Đồng Tháp đã xử phạt bị cáo P 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/9/2019) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Sau đó, từ ngày 23/4/2020 đến ngày 07/7/2020, bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội mới trong khi đang chấp hành hình phạt tù, cho hưởng án treo, nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 năm tù. Trong vụ án trước, bị cáo P bị tạm giam từ ngày 05/4/2019 đến ngày 14/6/2019 là 02 tháng 09 ngày, nên được khấu trừ vào 02 năm tù. Vì vậy, bị cáo P còn phải chấp hành hình phạt của bản án số 26/2019/HSST là 01 năm 09 tháng 21 ngày tù. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử cần tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo P.

[3.2] Đối với bị cáo I: giữa bị cáo P và bị cáo I do có mối quan hệ quen biết từ trước và bị cáo I có nợ tiền bị cáo P nên khi P rủ rê I thực hiện hành vi giả làm chủ ruộng để thỏa thuận hợp đồng bán lúa nếp với T1, H2 nhằm lấy tiền đặt cọc của T1, H2 để giao lại cho bị cáo P thì bị cáo I cũng đồng ý thực hiện để được P xóa nợ. Bị cáo I là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với vai trò giúp sức cho bị cáo P chiếm đoạt tài sản của T1, H2 65.000.000 đồng.

Trong vụ án này, tuy xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng xét về nhân thân của bị cáo, căn cứ vào biên bản xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh xác định bị cáo thường xuyên tham gia đánh bạc trái phép. Vào ngày 31/01/2021, bị cáo I tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức đá gà được thua bằng tiền tại ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 10/8/2021, Công an huyện T, Tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 001599 xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo I với số tiền 1.500.000 đồng. Vì

vậy, đối với bị cáo cũng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tuy bị cáo không sử dụng số tiền chiếm đoạt của bị hại nhưng bị cáo I đã có thiện chí bồi thường cho người bị hại 30.000.000 đồng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ; bản thân bị cáo bị bệnh sỏi thận; bị cáo có ông nội vợ tên P2 có công cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Xét thấy, bị cáo I có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo I phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: xét thấy hoàn cảnh kinh tế các bị cáo có khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vật chứng trong vụ án: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen, đã qua sử dụng, số emei 1: 353117112618280, số emei 2: 353117117618285, bên trong gắn thẻ sim số 0917.177.039 của P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 thẻ thanh toán và rút tiền mặt trên toàn cầu của ngân hàng Sacombank số 5174160000134636 có in chữ "LE HOAI P", số tài khoản: 070054266659 của P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Xét thấy, căn cứ vào văn bản cung cấp ý kiến của Ngân hàng V thể hiện: "Tính đến hết ngày 05/01/2022, tài khoản thanh toán số 070054266659 của chủ tài khoản P có số dư là 52.516 đồng. Nếu số dư tài khoản khách hàng có đủ, Ngân hàng sẽ thực hiện thu phí định kỳ hàng tháng theo quy định từng thời kỳ. Tuy nhiên tài khoản này đang nợ phí Ngân hàng từ tháng 3/2021, nếu tài khoản có tiền, Ngân hàng sẽ truy thu phí nợ 06 tháng gần nhất, số tiền phí hiện tại là 16.500 đồng/tháng. Trong trường hợp nếu có cơ sở để Tòa án tuyên đóng vĩnh viễn số tài khoản nêu trên của bị cáo P với số dư hiện có là 52.516 đồng thì Ngân hàng đề nghị trừ hết số tiền này vào khoản nợ phí mà hiện tại chủ tài khoản còn nợ Ngân hàng". Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên tiêu hủy thẻ thanh toán và đóng vĩnh viễn số tài khoản 070054266659 của chủ tài khoản P sau khi đã được Ngân hàng V trừ hết số tiền 52.516 đồng (số dư trong tài khoản) vào khoản nợ phí mà chủ tài khoản còn nợ Ngân hàng.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen, đã qua sử dụng, số emei 1: 350664634120884, số emei 2: 350664636120882, bên trong gắn thẻ sim số 0982.304.074 của I sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 sim số thuê bao 0973.257.644 của I không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo I không yêu cầu nhận lại sim điện thoại mà đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy sim điện thoại trên của bị cáo I.

Ngoài ra, theo lời khai của bị cáo P, bị cáo có mượn xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Elegant, màu sơn đen - đỏ, biển số 63AN - 059.07 là tài sản hợp pháp của ông Đ (cha ruột bị cáo P) để đi mua lúa và làm thuê. Ông Q2 không biết P sử dụng xe mô tô trên để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh không xem xét xử lý đối với Ông Q2, không thu giữ xe mô tô là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: sau khi vụ án xảy ra, người bị hại là anh T1 và chị H2 yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 141.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo I đã bồi thường cho người bị hại 30.000.000 đồng. Bị cáo P chưa bồi thường cho người bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo I không yêu cầu bị cáo P hoàn trả lại số tiền mà I đã bồi thường cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp, sau này giữa bị cáo I và bị cáo P có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác. Tại phiên tòa, T1 và H2 yêu cầu bị cáo P có nghĩa vụ trả lại số tiền chiếm đoạt còn lại là 111.000.000 đồng. Bị cáo P đồng ý trả lại số tiền chiếm đoạt nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bị cáo chưa trả tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo P có nghĩa vụ trả cho T1 và H2 tổng số tiền 111.000.000 đồng.

[7] Về án phí: bị cáo P, bị cáo I mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo P còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo P và bị cáo I phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **P 03 (ba) năm tù.**

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt Bản án số 26/2019/HSST ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Tỉnh Đồng Tháp, bị cáo P còn phải chấp hành hình phạt tù là 01 năm 09 tháng 21 ngày.

Buộc bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **04 (bốn) năm 09 (chín) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam (ngày 26/4/2021).

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo P 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2022) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **I 09 (chín) tháng tù.** Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/4/2021 đến ngày 13/7/2021.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen, đã qua sử dụng, số emei 1: 353117112618280, số emei 2: 353117117618285, bên trong gắn thẻ sim số 0917.177.039 của bị cáo P.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ thanh toán và rút tiền mặt trên toàn cầu của Ngân hàng V (Sacombank) số 5174160000134636 có in chữ "P" và đề nghị Ngân hàng V đóng vĩnh viễn số tài khoản 070054266659 của chủ tài khoản P sau khi đã được Ngân hàng V trừ hết số tiền 52.516 đồng vào khoản nợ phí mà chủ tài khoản còn nợ Ngân hàng.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen, đã qua sử dụng, số emei 1: 350664634120884, số emei 2: 350664636120882, bên trong gắn thẻ sim số 0982.304.074 của bị cáo I.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0973.257.644 của bị cáo I.

Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKSTT ngày 18/10/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589, Điều 357 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo P trả lại cho anh T1 và chị H2 số tiền chiếm đoạt là 111.000.000 đồng *(Một trăm mười một triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu chậm trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo P phải chịu 5.750.000 đồng án phí.

Bị cáo I phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Công an huyện Tân Thạnh;
- THADS huyện Tân Thạnh;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nguyễn Phương Chi